

Số: 796 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người quản lý doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ Trình số 176/TTr-SNV ngày 16/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: PCVP, HCQT, CBTH;
- Lưu: VT, NC(Vi299).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



KẾ HOẠCH

Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 796.../QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;
- Các Thông tư của các Bộ chuyên ngành quy định về mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành;
- Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên

chức; cán bộ, công chức cấp xã và người quản lý doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 1685/BNV-CCVC ngày 14/4/2023 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Công văn số 2186/BNV-CCVC ngày 11/5/2023 của Bộ Nội vụ về việc bổ sung chỉ tiêu nâng ngạch công chức năm 2023;

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước; đánh giá, lựa chọn được đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của ngạch, chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm của công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh tỉnh Quảng Ngãi.

- Động viên, khuyến khích đội ngũ công chức, viên chức tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, công bằng và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

III. CHỈ TIÊU

1. Chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Nội vụ phê duyệt tại Công văn số 1685/BNV-CCVC ngày 14/4/2023 và Công văn số 2186/BNV-CCVC ngày 11/5/2023, cụ thể:

- Thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên lên chuyên viên chính: 62 chỉ tiêu;

- Thi nâng ngạch công chức từ cán sự lên chuyên viên: 13 chỉ tiêu;

- Thi nâng ngạch công chức từ kế toán viên trung cấp lên kế toán viên: 02 chỉ tiêu;

- Thi nâng ngạch công chức từ văn thư viên trung cấp lên văn thư viên: 01 chỉ tiêu;

- Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ chuyên viên lên chuyên viên chính: 08 chỉ tiêu;

2. Chỉ tiêu thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III: 431 chỉ tiêu, cụ thể:

- Cán sự lên Chuyên viên: 32 chỉ tiêu;
- Kế toán viên trung cấp lên Kế toán viên: 330 chỉ tiêu;
- Văn thư viên trung cấp lên Văn thư viên: 23 chỉ tiêu;
- Hướng dẫn viên hạng IV lên Huấn luyện viên hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Thư viện viên hạng IV lên Thư viện viên hạng III: 05 chỉ tiêu;
- Di sản viên hạng IV lên Di sản viên hạng III: 07 chỉ tiêu;
- Phát thanh viên hạng IV lên Phát thanh viên hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Địa chính viên hạng IV lên Địa chính viên hạng III: 11 chỉ tiêu;
- Đo đạc bản đồ viên hạng IV lên Đo đạc bản đồ viên hạng III: 02 chỉ tiêu;
- Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III: 14 chỉ tiêu;
- Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III: 03 chỉ tiêu.

3. Chỉ tiêu xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp lên Lưu trữ viên: 05 chỉ tiêu.

III. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Đối tượng dự thi

- a) Đối tượng dự thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính

Công chức đang giữ ngạch chuyên viên (mã số: 01.003) và đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn về chức vụ, chức danh theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt.

b) Đối tượng dự thi thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên (mã số: 01.003) và đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn về chức vụ, chức danh theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt.

c) Đối tượng dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên và tương đương

Công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo quy định của pháp luật, đang bố trí công tác phù hợp theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt và được bổ nhiệm vào các ngạch, chức danh nghề nghiệp cụ thể sau:

- Ngạch, chức danh nghề nghiệp Cán sự (mã số: 01.004).
- Ngạch, chức danh nghề nghiệp Văn thư viên trung cấp (mã số: 02.008).
- Ngạch, chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp (mã số: 06.032).

d) Đối tượng dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III

Viên chức đã được tuyển dụng theo quy định của pháp luật, đang bố trí công tác phù hợp theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt và được bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp, cụ thể sau:

- Chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên hạng IV (mã số: V.10.01.04).
- Chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV (mã số: V.10.02.07).
- Chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng IV (mã số: V.10.05.18).
- Chức danh nghề nghiệp Phát thanh viên hạng IV (mã số: V.11.10.30).
- Chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng IV (mã số: V.06.01.03).
- Chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng IV (mã số: V.06.06.18).
- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số: V.03.01.03).
- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV (mã số: V.03.04.12).
- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV (mã số: V.03.05.15).

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV (mã số: V.03.09.27).

e) Đối tượng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp (mã số: V.01.02.03).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi

a) Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính

Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP (*đối với cán bộ, công chức*) và Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (*đối với viên chức*); đảm bảo tiêu chuẩn của ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư và Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021. Trong đó, cần lưu ý các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a1) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2022; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (*đối với cán bộ, công chức*) và Điều 56 Luật Viên chức đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức (*đối với viên chức*).

a2) Hiện đang giữ ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên (mã số 01.003) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính (mã số 01.002).

a3) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV và Thông tư số 06/2022/TT-BNV.

a4) Có thời gian giữ ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (*không kể thời gian tập sự, thử việc*). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên thì thời gian giữ ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên tối

thiếu 01 năm (*đủ 12 tháng*) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính.

Cán bộ, công chức, viên chức trước khi được tuyển dụng hoặc được tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí có yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp (*nếu thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn*) và thời gian đó được cơ quan có thẩm quyền tính làm căn cứ xếp lương ở ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên hoặc tương đương thì được tính là tương đương với ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên.

a5) Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên mà cơ quan, đơn vị sử dụng công chức, viên chức được chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

b) Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III

Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP (*đối với cán bộ, công chức*) và Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (*đối với viên chức*); đảm bảo tiêu chuẩn của các ngạch, chức danh nghề nghiệp đã được quy định tại các Thông tư của các Bộ chuyên ngành. Trong đó, cần lưu ý các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

b1) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2022; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (*đối với cán bộ, công chức*) và Điều 56 Luật Viên chức đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức (*đối với viên chức*).

b2) Hiện đang giữ các ngạch, chức danh sau:

- Ngạch, chức danh nghề nghiệp Cán sự (mã số 01.004) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch, chức danh nghề nghiệp Chuyên viên (mã số 01.003);

- Ngạch, chức danh nghề nghiệp Văn thư viên trung cấp (mã số 02.008) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch, chức danh nghề nghiệp Văn thư viên (mã số 02.007);

- Ngạch, chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp (mã số 06.032) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch, chức danh nghề nghiệp Kế toán viên (mã số 06.031);

- Chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên hạng IV (mã số V.10.01.04) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng III (mã số V.10.01.03);

- Chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV (mã số V.10.02.07) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III (mã số V.10.02.06);

- Chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng IV (mã số V.10.05.18) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17);

- Chức danh nghề nghiệp Phát thanh viên hạng IV (mã số V.11.10.30) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Phát thanh viên hạng III (mã số V.11.10.29);

- Chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng IV (mã số V.06.01.03) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III (mã số V.06.01.02);

- Chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng IV (mã số V.06.06.18) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III (mã số V.06.06.17);

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.01.03) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02);

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV (mã số V.03.04.12) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (mã số V.03.04.11);

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV (mã số V.03.05.15) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III (mã số V.03.05.14);

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV (mã số V.03.09.27) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên hạng III (mã số V.03.09.26).

- Chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp (mã số: V.01.02.03) và có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên (mã số: V.01.02.02).

b3) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Ngạch, chức danh nghề nghiệp Chuyên viên và Văn thư viên theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 và Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

- Ngạch, chức danh nghề nghiệp Kế toán viên theo quy định tại Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng III theo quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

- Chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

- Chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

- Chức danh nghề nghiệp Phát thanh viên hạng III theo quy định tại Thông tư: số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017, số 30/2020/TT-BTTTT 28/10/2020, số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022, Văn bản hợp nhất số 09/VBHP-BTTTT ngày 29/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III theo quy định tại Thông tư: số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015, số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III theo quy định tại Thông tư: số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015, số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III theo quy định tại Thông tư: số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015,

số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Chức danh nghề nghiệp Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III theo quy định tại Thông tư: số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015, số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Chức danh nghề nghiệp Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III theo quy định tại Thông tư: số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015, số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên hạng III theo quy định tại Thông tư: số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên theo quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31/8/2022.

b4) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức, chức danh viên chức quy định tại tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch, chức danh dự thi.

- Có thời gian giữ ngạch, chức danh cán sự hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (*không kể thời gian tập sự, thử việc*). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải ít nhất 01 năm (*đủ 12 tháng*) giữ ngạch, chức danh dưới liền kề với ngạch, chức danh dự thi tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức trước khi được tuyển dụng hoặc được tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí có yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp (*nếu thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn*) và thời gian đó được cơ quan có thẩm quyền tính làm căn cứ xếp lương ở ngạch công chức, chức danh viên chức hiện giữ thì được tính là tương đương với ngạch công chức, chức danh viên chức hiện giữ.

VI. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, THỜI GIAN THI, ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ, XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương được thực hiện như sau

a) Môn kiến thức chung:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của ngạch dự thi.

- Thời gian thi: 60 phút.

b) Môn ngoại ngữ:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Nội dung thi: 30 câu hỏi tiếng Anh theo yêu cầu của ngạch dự thi.

- Thời gian thi: 30 phút.

c) Môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Đối với nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên chính: Thi viết, thời gian 180 phút, thang điểm 100.

- Đối với thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên và tương đương: Thi viết, thời gian 120 phút, thang điểm 100.

2. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương được thực hiện như sau

a) Môn kiến thức chung:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi;

- Thời gian thi 60 phút.

b) Môn ngoại ngữ:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Nội dung thi: 30 câu hỏi tiếng Anh theo yêu cầu của ngạch chức danh nghề nghiệp dự thi.

- Thời gian thi: 30 phút.

c) Môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính: Thi viết, thời gian 180 phút, thang điểm 100.

- Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên và tương đương: Thi viết, thời gian 120 phút, thang điểm 100.

3. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III được thực hiện như sau

a) Môn kiến thức chung:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính;

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi;

- Thời gian thi 60 phút.

b) Môn ngoại ngữ:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính;

- Nội dung thi: 30 câu hỏi tiếng Anh theo yêu cầu của ngạch chức danh nghề nghiệp dự thi.

- Thời gian thi: 30 phút.

c) Môn chuyên môn, nghiệp vụ: Thi viết, thời gian 120 phút, thang điểm 100.

4. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp hạng IV lên Lưu trữ viên hạng III

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

- Nội dung: Xem xét, thẩm định việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh lưu trữ viên (mã số V.01.02.02) theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31/8/2022.

5. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ đối với các trường hợp sau

a) Công chức, viên chức tính đến tháng tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác.

b) Công chức, viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

c) Công chức, viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi.

d) Công chức, viên chức có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

6. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

a) Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi trắc nghiệm.

b) Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức phải có kết quả điểm thi chuyên môn, nghiệp vụ đạt từ 50 điểm trở lên của bài thi, lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được giao.

c) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ bằng nhau ở chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức cuối cùng thì thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Người dự thi là nữ; người dự thi là người dân tộc thiểu số; người dự thi nhiều tuổi hơn (*tính theo ngày, tháng, năm sinh*); công chức, viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan quản lý công chức, viên chức và quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan quản lý công chức, viên chức.

d) Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lần sau.

7. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp lên Lưu trữ viên phải đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31/8/2022 ban hành Thông tư quy định chức danh mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, thi hoặc xét thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức chuyên ngành lưu trữ.

VII. KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lệ phí thi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Mức thu cụ thể: 600.000 đồng/01 thí sinh.

2. Sở Nội vụ tổ chức việc thu phí dự thi, quản lý chi tiêu và thanh quyết toán phí dự thi theo đúng quy định.

VIII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian: Tháng 6/2023.

2. Địa điểm: Tại Thành phố Quảng Ngãi.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ

- Bộ Nội vụ cung cấp ngân hàng câu hỏi, đáp án thi môn kiến thức chung cho kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III theo quy định.

- Mời Bộ Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023.

2. UBND tỉnh Quảng Ngãi

- Quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 theo quy định.

- Quyết định danh sách công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 theo quy định.

- Quyết định thành lập Ban Giám sát kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên

viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 theo quy định.

- Triển khai tổ chức thực hiện công tác thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 theo quy định.

- Phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023; danh sách công chức, viên chức trúng tuyển theo quy định.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 theo quy định.

3. Sở Nội vụ

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023.

- Rà soát lại danh sách cán bộ, công chức, viên chức đăng ký dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi theo quy định của pháp luật; không triệu tập tham dự kỳ thi đối với cán bộ, công chức, viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

4. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ

Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh uỷ triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm đối với các nội dung liên quan đến kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 trong các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo Đề án đã xây dựng. Đồng thời, phối hợp Sở Nội vụ tổ chức thực hiện việc thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức bảo đảm theo quy định.

5. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm tra dự toán kinh phí tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023.

6. Công an tỉnh

Cử người tham gia bảo vệ kỳ thi và các công việc cần bảo mật trong quá trình tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023.

7. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Thông báo công khai Kế hoạch tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 cho cán bộ, công chức, viên chức.

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức đăng ký tham dự kỳ thi bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện và tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tổ chức kỳ thi; tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức tham dự kỳ thi.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.
